TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/DS-ST
Ngày 29-11-2019
V/v "Tranh chấp HĐ vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam
Các Hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thị Ngọc Thi
bà Lại Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2019/TLST-DS ngày 11/02/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-DS ngày 24/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2019/QĐST-DS ngày 12/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Hoàng Thị L, sinh năm: 1965; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: tổ 6, ấp 1, xã L, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; *(Có mặt)*

2. Bị đơn: ông Nguyễn Tiến H, sinh năm: 1955, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú cuối cùng: tổ 3, ấp 1, xã L, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; *(Vắng mặt)*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Phan Thị Ngọc H, sinh năm: 1957, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: tổ 3, ấp 1, xã L, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị L trình bày:

Do quen biết và là người cùng xã nên bà có cho ông Nguyễn Tiến H vay tiền 03 lần với tổng số tiền là 120.000.000 đồng, cụ thể: lần thứ nhất, vào ngày 20/4/2016 ông H vay của bà 20.000.000 đồng, do lúc đó ông H nói cần tiền đáo hạn ngân hàng và xác định chỉ vay đỡ trong vòng 01 tháng sẽ bán dê trả lại nên hai bên không lập giấy tờ vay và bà cũng không yêu cầu lãi suất; lần thứ hai, vào sáng ngày 15/5/2015 ông H vay 50.000.000 đồng và lần thứ ba là vào chiều tối cùng ngày 15/5/2016 ông H vay tiếp 50.000.000 đồng. Ngay khi vay 50.000.000 đồng vào chiều tối 15/5/2016, ông H nói rằng vợ chồng ly hôn, cần vay tiền để giải quyết phân chia tài sản, tìm chỗ ở mới và vay thời gian dài nên bà yêu cầu ông H viết giấy

vay tiền; do bà không biết chữ nên sau khi ông H viết giấy nợ đã đọc lại cho bà nghe với nội dung là ông H có vay của bà số tiền 100.000.000 đồng với thời gian 02 năm và sẽ phải trả lãi hàng tháng với mức lãi suất 2%/tháng. Tuy nhiên ông H chỉ trả cho bà được 01 tháng tiền lãi đầu tiên là 2.000.000 đồng, sau đó không trả thêm đồng nào; khi bà đòi nợ thì ông H hứa hẹn và tìm cách tránh mặt bà. Thấy rằng quyền lợi bị xâm phạm nên bà nộp đơn khởi kiện ra Tòa án và khi ông H biết Tòa án mời đã bỏ đi khỏi nơi cư trú. Bà yêu cầu Tòa án buộc ông H phải trả cho bà số tiền nợ gốc theo giấy vay tiền ngày 15/5/2016 là 100.000.000 đồng cùng với lãi suất theo mức 20%/01 năm, tính từ ngày 16/6/2016 cho đến khi Tòa án xét xử vụ án. Đối với số tiền 20.000.000 đồng vay lần đầu, do không lập giấy vay nên bà rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ này.

* Bị đơn (ông Nguyễn Tiến H) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Phan Thị Ngọc H) được Tòa án triệu tập hợp lệ rất nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc nên không thu thập được ý kiến chính thức của ông H và bà H trong hồ sơ vụ án.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ: Về quan hệ pháp luật, việc thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật; quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án tiến hành thủ tục cấp, tống đạt văn bản tố tụng đúng quy định, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần 2 mà không vì lý do khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp. Về áp dụng pháp luật: đề nghị áp dụng các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 (sau đây viết tắt là BLDS), chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H trả cho bà L số tiền 100.000.000 đồng vốn gốc và lãi suất theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: bà Hoàng Thị L khởi kiện ông Nguyễn Tiến H để yêu cầu ông H trả tiền do vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ trả lãi trong hợp đồng vay tài sản nên đây là vụ án về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó bà L là nguyên đơn, ông H là bị đơn. Tuy bà L xác định chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân ông H trả nợ, nhưng xét thấy khoản nợ phát sinh khi hôn nhân giữa ông H và bà H vẫn còn tồn tại nên Tòa án đưa bà Phan Thị Ngọc H tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự, đúng pháp luật.

Về thủ tục cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự: theo tài liệu thu thập trong hồ sơ thể hiện: ông Nguyễn Tiến H có hộ khẩu thường trú tại tổ 3, ấp 1,

xã L và hiện tại vẫn còn nhà cửa tại địa chỉ này, tuy nhiên ông H bỏ địa phương đi không rõ địa chỉ cụ thể đến nay gần 02 năm; còn bà Phan Thị Ngọc H hiện vẫn cư trú tại xã L nhưng thường đi về BH ở với con gái; căn nhà của bà H tại xã L vẫn do bà H quản lý và không phải căn nhà của ông H. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định; tuy nhiên, để đảm bảo cho ông H nhận được thông tin về vụ án, thời gian Tòa án hòa giải cũng như xét xử, Tòa án đã áp dụng thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định tại Điều 180 của BLTTDS.

Bị đơn (ông Nguyễn Tiến H) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Phan Thị Ngọc H) được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà H là phù hợp.

[2] Về các chứng cứ trong vụ án:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn đã cung cấp 01 bản chính giấy vay tiền lập ngày 15/5/2016 (BL 59); đồng thời đã yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Tiến H trong bản chính giấy vay tiền nêu trên; xét thấy: chứng cứ do nguyên nộp là bản chính, có chữ ký người vay là Nguyễn Tiến H (nguyên đơn xác định toàn bộ chữ viết, cũng như chữ ký trong giấy vay tiền là do ông Nguyễn Tiến H tự viết và ký trước mặt bà), đáp ứng các tiêu chí của chứng cứ theo quy định của pháp luật và phù hợp nội dung vụ án nên được HĐXX chấp nhận là chứng cứ.

Kết luận giám định số 2342/C09B ngày 09/7/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Công an đã thực hiện theo Quyết định trưng cầu giám định số 52/2019/QĐ-TCGĐ ngày 04/5/2019 của Tòa án, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật tố tụng dân sự quy định. Đối chiếu với quy định tại các điều 93, 94 và 95 của BLTTDS thì Kết luận giám định số 2342/C09B ngày 09/7/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Công an là chứng cứ trong vụ án.

[3] Về nội dung: Theo đơn khởi kiện ban đầu nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ vay gốc là 120.000.000 đồng và 84.000.000 đồng lãi suất; tuy nhiên, đến ngày 24/10/2019 nguyên đơn thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng và lãi suất theo mức 20%/năm tính từ ngày 15/6/2016 cho đến khi Tòa án xét xử vụ án; do đó HĐXX chỉ xem xét, giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện số tiền gốc 100.000.000 đồng và yêu cầu về lãi suất trên khoản nợ này.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền vay 100.000.000 đồng theo giấy vay tiền lập ngày 15/5/2016; theo Kết luận giám định số 2342/C09B ngày 09/7/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thì chữ ký và chữ viết tên mang tên Nguyễn Tiến H tại giấy vay tiền ngày 15/5/2016 với 07 tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra. Như vậy có căn cứ xác định bị đơn có giao dịch vay tiền của nguyên đơn theo giấy vay tiền ngày

15/5/2016 là đúng; đồng thời nguyên đơn xác định bị đơn chưa trả được khoản vay này và đã cung cấp cho Tòa án bản chính giấy nợ để chứng minh; nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các thủ tục tố tụng đã được Tòa án thông báo cho bị đơn đúng theo quy định nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi; do đó, từ những phân tích trên, căn cứ chứng cứ là giấy vay tiền ngày 15/5/2016 HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng.

Yêu cầu của nguyên đơn tính lãi suất theo mức 20%/năm từ ngày 15/6/2016 đến khi xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS và hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận. Thời gian từ 15/6/2016 đến ngày xét xử vụ án 29/11/2019 tương đương 41,5 tháng; do đó, tiền lãi phát sinh mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là: 100.000.000 đồng x 20%/12 tháng x 41,5 tháng = 69.166.667 đồng, làm tròn là 69.166.000 đồng.

Nguyên đơn xác định chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân ông H trả nợ, không yêu cầu bà Phan Thị Ngọc H (tại thời điểm vay có mối quan hệ là vợ chồng với ông H) cùng trả; ngoài ra, ông H không yêu cầu và bà H cũng thể hiện ý kiến không đồng ý cùng trả nợ với ông H (thể hiện tại biên bản xác minh ngày 17/10/2019 – BL 91). Do đó, buộc ông Nguyễn Tiến H trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi phát sinh là phù hợp.

Về trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong thi hành án: do các đương sự không thỏa thuận và nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; do đó, HĐXX áp dụng các điều 357 và 468 của BLDS để xử lý.

[4] Về chi phí tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã tạm ứng chi phí giám định với số tiền là 5.300.000 đồng; nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật đối với khoản tiền này. Căn cứ quy định tại Điều 161 của BLTTDS thì bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí giám định nên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 5.300.000 đồng.

[5] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, cụ thể: số tiền mà nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận là: 100.000.000 đồng (nợ gốc) + 69.166.000 đồng (tiền lãi phát sinh) = 169.166.000 đồng; án phí sơ thẩm là: 169.166.000 đồng x 5% = 8.458.300 đồng (làm tròn thành 8.458.000 đồng).

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên về áp dụng pháp luật và đường lối giải quyết phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 26, 35, 39, 147, 161, 227, 228 của BLTTDS; các điều 357, 463, 466, 468, 469 của BLDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà Hoàng Thị L) đối với bị đơn (ông Nguyễn Tiến H) về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Tiến H phải trả cho bà Hoàng Thị L số tiền: 169.166.000 (Một trăm sáu mươi chín triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng, gồm: tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 69.166.000 đồng.

2. Buộc ông Nguyễn Tiến H trả cho bà Hoàng Thị L số tiền chi phí tố tụng đã tạm ứng là 5.300.000 (Năm triệu ba trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi và cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Tiến H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.458.000 (Tám triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn) đồng.

Hoàn trả cho bà Hoàng Thị L số tiền 3.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 006455 ngày 30/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; thời hạn 15 ngày kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được tính từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký tên và đóng dấu)

Hà Thế Nam